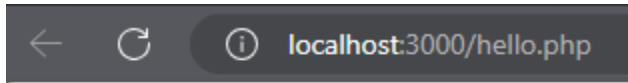


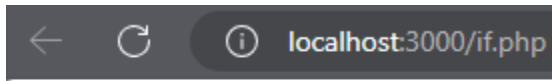
Bài Thực Hành 2: Làm quen với ngôn ngữ PHP

Câu 1: Bạn hãy chạy tất cả các lệnh hướng dẫn ở trên và chụp lại màn hình kết quả.

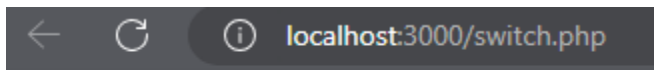


My first PHP page

Hello!



Bay gio la: 21 gio
Chuc buoi toi vui ve



Your favorite color is red!



localhost:3000/loop.php

while:

The number is: 1

The number is: 2

The number is: 3

The number is: 4

The number is: 5

do... while:

The number is: 1

The number is: 2

The number is: 3

The number is: 4

The number is: 5

for:

The number is: 0

The number is: 1

The number is: 2

The number is: 3

The number is: 4

The number is: 5

The number is: 6

The number is: 7

The number is: 8

The number is: 9

The number is: 10

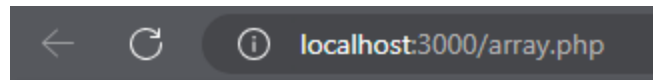
foreach:

red

green

blue

yellow



Ho Nguyen, Chu lot: Thanh va ten: Hai.3Nguyen
Thanh
Hai
Peter is 35 years old.Volvo: In stock: 22, sold: 18.
BMW: In stock: 15, sold: 13.
Saab: In stock: 5, sold: 2.
Land Rover: In stock: 17, sold: 15.

Row number 0

- Volvo
- 22
- 18

Row number 1

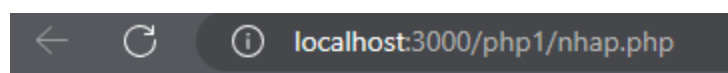
- BMW
- 15
- 13

Row number 2

- Saab
- 5
- 2

Row number 3

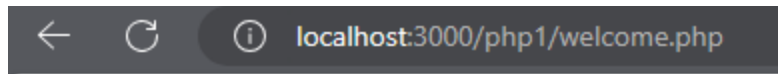
- Land Rover
- 17
- 15



Name:

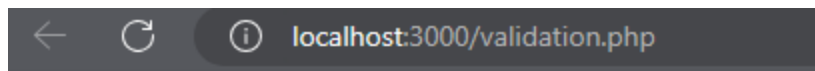
E-mail:

Birth-day:



Hello Tran Thi C
Your email address is: a4@ctu.edu.vn
Your Birthday is: 2002-02-03

-Kiểm tra dữ liệu trên form:



PHP Form Validation Example

Name:

E-mail:

Website:

Comment:

Gender: ☐ Female ☒ Male ☐ Other

Your Input:

← localhost:3000/required.php

PHP Form Validation Example

* required field

Name: * Name is required

E-mail: * Email is required

Website:

Comment:

Gender: ☐ Female ☐ Male ☐ Other * Gender is required

Your Input:

← localhost:3000/fruit_class.php

Apple
BananaThe fruit is Banana.The fruit is Apple.

Câu 2: Hãy cho biết cách khai báo biến, và gán trị cho biến trong PHP. Liệt kê các chú ý khi đặt tên biến. Cho các ví dụ về khai báo biến, và gán giá trị kiểu chuỗi, kiểu số, ngày tháng.

-Trong PHP chúng ta có thể dùng \$ để khai báo biến

- Các quy tắc khi đặt tên biến:

- Bắt đầu bằng ký tự \$, theo sau là một ký tự hoặc dấu _, tiếp đó là ký tự, ký số hoặc dấu _

- Nên khởi tạo giá trị ban đầu cho biến
- Không trùng với tên hàm
- Không nên bắt đầu bằng ký số

*Lưu ý: Tên biến có phân biệt chữ HOA – chữ thường

Ví dụ: Khai báo biến trong PHP

```
//Kiểu chuỗi
```

```
$Name = "Huynh Dinh"
```

```
//Kiểu số
```

```
$y = 3.4
```

```
//Kiểu ngày tháng
```

```
$dateString = "2024-01-23"
```

Câu 3: Liệt kê ký hiệu để biết bắt đầu và kết thúc khối lệnh PHP

Khối lệnh PHP được đặt trong các thẻ sau:

```
<?php ... ?>
```

```
<? ... ?>
```

```
<script language="php"> </script>
```

Câu 4: Liệt kê các ký hiệu có thể được dùng để tạo comment (ghi chú) trong khối lệnh PHP.

- Dùng // nếu nội dung cần ghi chú ngắn
- Dùng /* ... */ nếu nội dung ghi chú nằm trên nhiều dòng liên tục

Câu 5: Cho biết có bao nhiêu loại khối lệnh để thực hiện vòng lặp. Cho biết sự khác biệt của foreach với các loại khối lệnh vòng lặp khác. Cho biết cách dùng của lệnh "continue" và lệnh "break" trong các vòng lặp

Trong PHP có 4 loại khối lệnh để thực hiện vòng lặp:

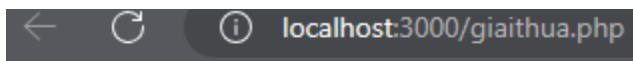
- Vòng lặp while: Lặp một hành động dựa theo một điều kiện cụ thể mà nó trả về là true
- Vòng lặp do...while: Lặp một hành động với số lần lặp nhất định.
- Vòng lặp for: Lặp một hành động với số lần lặp nhất định.
- Vòng lặp foreach: Sử dụng để lặp các khóa và giá trị trong một dữ liệu mảng.

- Sự khác biệt của foreach với các loại khối lệnh vòng lặp khác: Vòng lặp for là một cấu trúc điều khiển mục đích chung trong khi vòng lặp foreach là một vòng lặp nâng cao chỉ áp dụng cho các mảng và bộ sưu tập.
- Cách dùng của lệnh “continue” và lệnh “break” trong các vòng lặp: - Lệnh continue được sử dụng để bỏ qua phần còn lại của vòng lặp hiện tại và bắt đầu vòng lặp tiếp theo. - Lệnh break được sử dụng để kết thúc vòng lặp hiện tại ngay lập tức.

*Nguồn: tanhongit.github.io

<https://vi.differkinome.com/>

Câu 6: Viết 1 tập tin php tên giaithua.php, định nghĩa hàm giai thừa và chạy thử với 10!



Giai thừa của 10! là: 3628800

```

1  <!DOCTYPE HTML>
2  <html>
3
4  <head>
5
6      <?php
7
8      function TinhGiaiThua($n) {
9          $giaiThua = 1;
10         for ($i = 1; $i <= $n; $i++) {
11             $giaiThua *= $i;
12         }
13         return $giaiThua;
14     }
15
16     $soCanTinh = 10;
17     $ketQua = TinhGiaiThua($soCanTinh);
18
19     echo "Giai thừa của $soCanTinh! là: $ketQua";
20
21     ?>
22
23     </body>
24
25 </html>

```

Câu 7: Viết 1 tập tin cong2mang.php viết hàm xử lý để cộng được 2 mảng có cùng độ dài, nếu 2 mảng không cùng độ dài thì thông báo lỗi. Chạy thử hàm với 2 mảng sau: a={344,224,223,7737,9922,-828}, b={-344,-324,123,773,-9922,828} và cho biết kết quả hiển thị

```

Mảng a: 344, 224, 223, 7737, 9922, -828
Mảng b: -344, -324, 123, 773, -9922, 828
Kết quả cộng hai mảng: 0, -100, 346, 8510, 0, 0

```



```

1 <!DOCTYPE HTML>
2 <html>
3
4 <head>
5
6 <?php
7 function congHaiMang($a, $b) {
8     $n = count($a);
9
10    if (count($b) !== $n) {
11        return "Lỗi: Hai mảng không cùng độ dài!";
12    }
13    $ketQua = array();
14
15    for ($i = 0; $i < $n; $i++) {
16        $ketQua[] = $a[$i] + $b[$i];
17    }
18
19    return $ketQua;
20 }
21 $a = array(344, 224, 223, 7737, 9922, -828);
22 $b = array(-344, -324, 123, 773, -9922, 828);
23
24 $ketQuaCong = congHaiMang($a, $b);
25
26 echo "Mảng a: " . implode(' ', $a) . "\n";
27 echo "<br>";
28 echo "Mảng b: " . implode(' ', $b) . "\n";
29 echo "<br>";
30 if (is_array($ketQuaCong)) {
31     echo "Kết quả cộng hai mảng: " . implode(' ', $ketQuaCong);
32 } else {
33     echo $ketQuaCong;
34 }
35 ?>
36 </body>
37
38 </html>

```

Câu 8: Chạy ví dụ tập tin validation.php, dựa vào link 2 , bạn hãy giải thích những bước diễn ra quá trình này.

PHP Form Validation Example

Name:

E-mail:

Website:

Comment:

Gender: ☐ Female ☐ Male ☐ Other

Your Input:

Huynh Quoc Dinh
dinhb2110009@student.ctu.edu.vn
shopmai.vn
tot
male

Giải thích các bước:

```

1  <!DOCTYPE HTML>
2  <html>
3
4  <head>
5  </head>
6
7  <body>
8  |   <?php
9  // define variables and set to empty values
10 ///// khai báo các giá trị là một mảng rỗng
11 $name = $email = $gender = $comment = $website = "";
12 //Mã kiểm tra xem có phải là phương thức POST không ($_SERVER["REQUEST_METHOD"] == "POST").
13 //Nếu đúng, nó sẽ tiếp tục xử lý dữ liệu gửi từ biểu mẫu.
14 //Các biến $name, $email, $website, $comment, và $gender được gán giá trị bằng cách gọi hàm test_input()
15 //với dữ liệu được gửi từ biểu mẫu thông qua $_POST.
16 |
17 if ($_SERVER["REQUEST_METHOD"] == "POST") {
18 $name = test_input($_POST["name"]);
19 $email = test_input($_POST["email"]);
20 $website = test_input($_POST["website"]);
21 $comment = test_input($_POST["comment"]);
22 if (isset($_POST["gender"]))
23 $gender = test_input($_POST["gender"]);
24 }
25 /////Hàm này được sử dụng để loại bỏ các ký tự không mong muốn từ dữ liệu đầu vào.
26 /*trim(): Loại bỏ khoảng trắng ở đầu và cuối chuỗi.
27 stripslashes(): Loại bỏ các ký tự gạch chéo (backslashes) từ chuỗi.
28 htmlspecialchars(): Chuyển các ký tự đặc biệt thành các entity HTML tương ứng, ngăn chặn mã độc hại được chèn vào trang.
29 trả về kiểu dữ liệu.
30 */

```

```

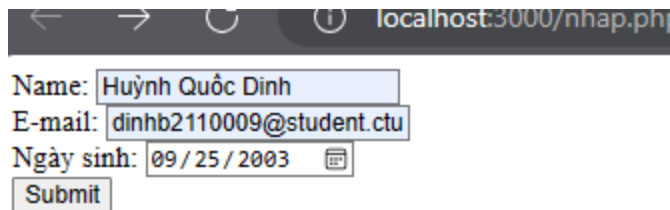
function test_input($data) {
    $data = trim($data);
    $data = stripslashes($data);
    $data = htmlspecialchars($data);
    return $data;
}

<h2>PHP Form Validation Example</h2>
<form method="post" action="<?php echo
htmlspecialchars($_SERVER["PHP_SELF"]);?>">
    Name: <input type="text" name="name">
    <br><br>
    E-mail: <input type="text" name="email">
    <br><br>
    Website: <input type="text" name="website">
    <br><br>
    Comment: <textarea name="comment" rows="5" cols="40"></textarea>
    <br><br>
    Gender:
    <input type="radio" name="gender" value="female">Female
    <input type="radio" name="gender" value="male">Male
    <input type="radio" name="gender" value="other">Other
    <br><br>
    <input type="submit" name="submit" value="Submit">
</form>
<?php
echo "<h2>Your Input:</h2>";
echo $name;
echo "<br>";
echo $email;
echo "<br>";
echo $website;
echo "<br>";
echo $comment;
echo "<br>";
echo $gender;
?>
</body>
</html>

```

Câu 9: Hãy sửa lại tập tin nhap.php, thêm 1 ô để nhập mật khẩu (các ký tự nhập vào sẽ biến thành dấu *), và 1 ô để nhập ngày tháng năm sinh của bạn. Sau khi nhập xong hiển thị tên, email và mật khẩu, ngày tháng năm sinh đã nhập. Chụp màn hình sau khi bạn đã nhập dữ liệu của chính bạn, chụp màn hình hiển thị dữ liệu nhập.

-File: nhap.php



localhost:3000/nhap.php

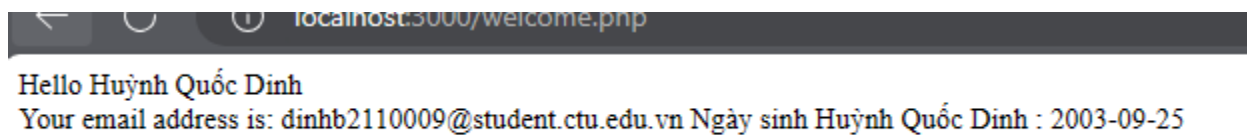
Name: Huỳnh Quốc Dinh

E-mail: dinhb2110009@student.ctu

Ngày sinh: 09/25/2003

Submit

-File: welcome.php

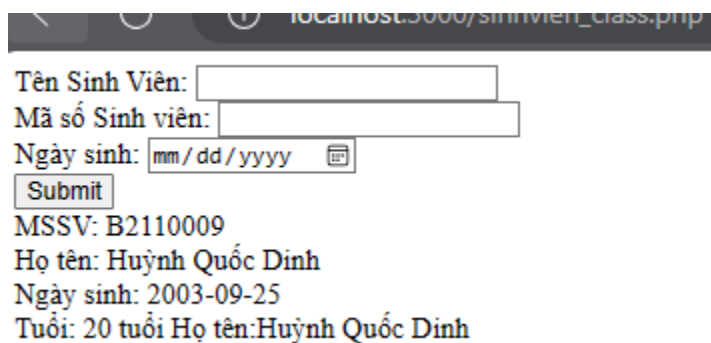


localhost:3000/welcome.php

Hello Huỳnh Quốc Dinh

Your email address is: dinhb2110009@student.ctu.edu.vn Ngày sinh Huỳnh Quốc Dinh : 2003-09-25

Câu 10: . Viết tập tin sinhvien_class.php để khai báo 1 lớp sinhvien với các thuộc tính: mssv, hoten, ngaysinh với kiểu giá trị phù hợp. Viết các phương thức xây dựng, hủy, gán trị, trả về giá trị của các thuộc tính, viết hàm tính tuổi. Khai báo 1 biến sv có kiểu class sinhvien, gán các giá trị cần thiết với thông tin của bạn và thử tính tuổi dựa vào hàm vừa mới xây dựng trong class.



localhost:3000/sinhvien_class.php

Tên Sinh Viên:

Mã số Sinh viên:

Ngày sinh:

Submit

MSSV: B2110009

Họ tên: Huỳnh Quốc Dinh

Ngày sinh: 2003-09-25

Tuổi: 20 tuổi Họ tên:Huỳnh Quốc Dinh